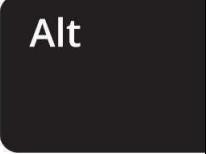


1. PHÍM CHỨC NĂNG CỦA MÁY TÍNH

Tùy thuộc vào loại máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay mà bạn có, bàn phím thông thường được thiết kế phù hợp để tương tác với hệ điều hành Windows (như Dell, HP, Acer, Asus và Microsoft) hoặc hệ điều hành MacOS (như iMac và Macbook). Nếu không chắc chắn về loại bàn phím của mình, hãy nhìn vào phím ở bên trái của Thanh dấu cách (Spacebar - Thanh dài nhất trên bàn phím).

	Nếu phím hiển thị chữ Alt, thì dường như quý vị có một bàn phím Windows		Nếu phím hiển thị chữ command, thì dường như quý vị có một bàn phím Apple
	Phím Windows thường nằm dưới cùng bên trái		Phím Option thường nằm dưới cùng bên trái
			

Các phím chức năng được sử dụng để thực hiện các tác vụ cụ thể, được ghi trên bàn phím là F1, F2, F3, Chức năng các phím này khác nhau giữa các hệ điều hành, giữa các loại máy. Thông thường các phím này thường được thiết kế trên cùng của bàn phím.



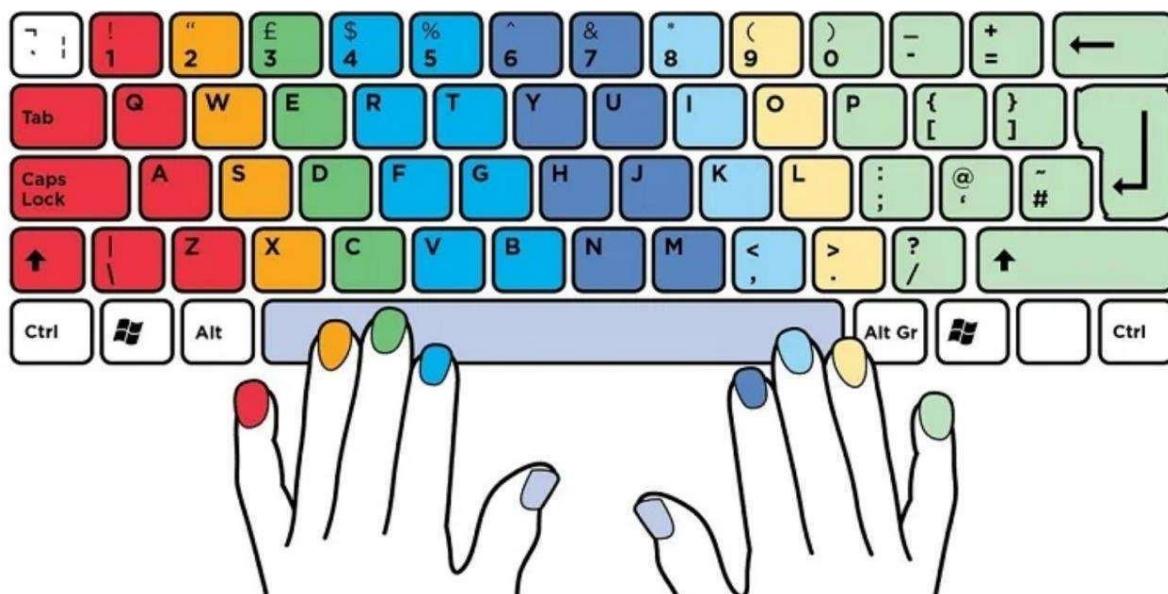
Phím	Mô tả	Phím	Mô tả
F1	Mở màn hình Trợ giúp	F7	Kiểm tra chính tả và ngữ pháp của tài liệu trong Microsoft Apps (ví dụ: Word)
F2	Sửa tên tệp hoặc thư mục đã chọn	F8	Nhấn phím F8 ngay khi laptop vừa khởi động để khởi động laptop ở chế độ Safe Mode.
F3	Mở tính năng tìm kiếm cho một ứng dụng đang hoạt động tại thời điểm hiện tại	F9	Làm mới tài liệu trong Microsoft Word và gửi và nhận email trong Outlook
F4	Mở thanh địa chỉ trên Windows Explorer và Internet Explorer.	F10	Kích hoạt thanh menu của ứng dụng đang mở
F5	Làm mới hoặc tải lại trang hoặc cửa sổ tài liệu	F11	Sử dụng phím F11 để mở chế độ toàn màn hình trên các trình duyệt phổ biến (IE, Firefox, Google Chrome...).

F6	Di chuyển con trỏ đến thanh địa chỉ trong hầu hết các trình duyệt Internet	F12	Mở hộp thoại Lưu dưới dạng trong Microsoft Word. Mở chức năng xem mã nguồn website trên bất kỳ trình duyệt nào.
-----------	--	------------	--

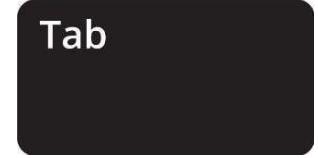
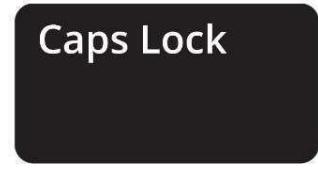
2. CÁC PHÍM CHỮ CÁI

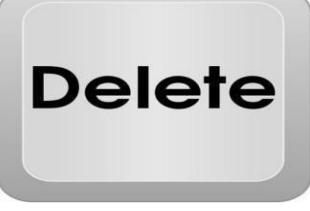
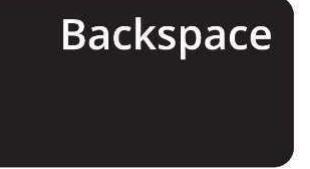
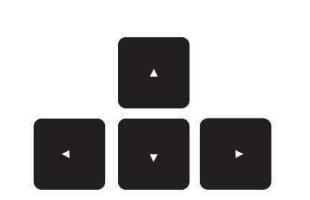
Các chữ cái không theo thứ tự bảng chữ cái. Bộ cục bàn phím phổ biến nhất được gọi là bàn phím QWERTY, do sáu chữ cái đầu tiên xuất hiện từ phía trên bên trái.

Để gõ được 10 ngón thì đầu tiên là bạn cần phải ghi nhớ được vị trí đặt ngón tay trên bàn phím cũng như nhiệm vụ của từng ngón. Ngón trỏ tay trái đặt ở phím F, Ngón trỏ tay phải đặt ở phím J.



3. CÁC PHÍM THÔNG DỤNG KHÁC

STT	Phím	Mô tả
1		Phím Esc (viết tắt của từ escape) có tác dụng dừng (stop) hoặc thoát (quit) một chương trình hoặc hoạt động.
		Phím Esc cũng giúp đóng các menu chuột phải và có thể dùng để loại bỏ một số hộp bật lên
2		Phím Tab để di chuyển con trỏ đến trường tiếp theo trên một biểu mẫu.
		Hoặc cho phép bạn thay thế văn bản khi gõ văn bản
3		Phím Caps Lock cho phép quý vị gõ các chữ cái IN HOA (UPPERCASE).
		Nhấn phím này một lần để bắt đầu sử dụng chữ viết hoa và một lần nữa để quay lại chữ thường.
4		Di chuyển xuống xa hơn về phía tay trái chúng ta tìm thấy phím Shift. Nếu nhấn cùng một lúc phím Shift và một phím chữ cái, có thể biến chữ cái đó thành một chữ in hoa.
		Nếu nhấn phím Shift và một trong các phím số ở trên cùng bàn phím, quý vị có thể gõ ký hiệu xuất hiện bên cạnh số đó. Ví dụ <ul style="list-style-type: none"> - Shift + 2 sẽ cho phép bạn gõ @ - Shift + 5 sẽ cho phép bạn gõ %.

5		<p>Phím Delete (hay Del) cho phép xóa ký tự (chữ, số, khoảng trắng hoặc ký tự, tập tin) được chọn.</p> <p>Ngoài ra, phím Delete còn có một số chức năng khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động lại máy tính: Nhấn và giữ Delete khi khởi động máy tính có thể truy cập vào BIOS hoặc menu khởi động. - Xóa dữ liệu khỏi ổ cứng: Một số chương trình cho phép bạn sử dụng Delete để xóa dữ liệu khỏi ổ cứng một cách an toàn. - Thực hiện các phím tắt: Một số phím tắt yêu cầu nhấn Delete kết hợp với các phím khác.
6		<p>Phím Backspace cho phép xóa ký tự (chữ, số, khoảng trắng hoặc ký tự cuối cùng) ở bên trái của đường thẳng đứng nháy nháy, hay con trỏ, trên màn hình máy tính.</p>
7		<p>Phím Enter hoặc Return để bắt đầu một dòng mới khi bạn đang gõ một tài liệu hoặc bắt đầu tìm kiếm khi duyệt trang mạng (trong trường hợp duyệt trang web, bạn có thể sử dụng nó thay con chuột để nhấn nút Tìm kiếm (Search) trên màn hình máy tính)</p>
8		<p>Các phím mũi tên (arrow) giúp di chuyển xung quanh và điều hướng.</p> <p>Bạn có thể sử dụng các phím mũi tên để di chuyển con trỏ đường thẳng đứng nháy nháy trên một tài</p>

		liệu khi gõ. Sử dụng các mũi tên để đi lên và xuống giữa các dòng văn bản hoặc sang trái và phải giữa các ký tự trong một câu.
9		<p>Ở dưới cùng bàn phím là Thanh dấu cách (Spacebar). Phím này có thể không có bất cứ chữ cái hoặc số nào trên đó hoặc có chữ “Space”, đây là phím dài nhất trên bàn phím (vì cả hai ngón tay cái đều phải đặt trên phím cách), thường ở dưới cùng của bàn phím.</p> <p>Thanh dấu cách cho phép tạo một khoảng trống ở bên phải của con trỏ đường thẳng đứng nháy trên màn hình khi bạn đang soạn thảo văn bản để tạo khoảng trống giữa các từ.</p>

Lưu ý: Windows có một công cụ Trợ năng tích hợp sẵn có tên là Bàn phím ảo (OSK) có thể được sử dụng thay cho bàn phím vật lý.

Bạn không nhất thiết phải sử dụng màn hình cảm ứng để sử dụng OSK. OSK được thiết kế để hiển thị trực quan với tất cả các phím chuẩn, bạn có thể sử dụng chuột máy tính để chọn phím. Nếu máy tính bạn có màn hình cảm ứng thì chắc chắn bạn có thể dùng bàn phím cảm ứng. Bàn phím cảm ứng sẽ xuất hiện khi bạn chạm vào hộp văn bản khi PC của bạn ở chế độ máy tính bảng. Để mở Bàn phím ảo trên màn hình:

- Di chuyển chuột đến Bắt đầu (Starts), chọn Cài đặt (Settings)
- Chọn Tiếp cận (Accessibility)
- Chọn Bàn phím (Keyboard)
- Tại mục Bàn phím ảo (On-Screen Keyboard), trượt sang chế độ Bật (On) hoặc

Ấn đồng thời các phím Windows + Ctrl + O

Một bàn phím có thể được sử dụng để di chuyển xung quanh màn hình và nhập văn bản sẽ xuất hiện trên màn hình. Bàn phím sẽ vẫn ở trên màn hình cho đến khi bạn đóng nó lại.